TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/12/2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phu;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số: 577/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Tổ 02, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Tổ 15, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu, được gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới tháng 12AL/2015, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn bà sống ở nhà chồng tại xã Q. Tháng 02/2017, bà và ông S lên Bình Dương đi làm thuê. Tháng 9/2019 bà và ông S về nhà chồng sinh sống tại xã P (cha mẹ chồng chuyển nhà từ xã Q về xã P năm 2017). Trong quá trình chung sống bà và ông S thường xuyên cãi nhau, ông S đánh bà nhiều lần. Ngày 05/8/2020, ông S đánh bà và đuổi bà ra khỏi nhà, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Khi đi bà có dẫn con Nguyễn Hoài L theo. Đến ngày 07/8/2020, mẹ chồng bà đến nhà mượn cháu L về nhà chơi vài ngày. Chiều ngày 09/8/2020, khi hay tin cháu L bị xe đụng, bà đến nhà chồng để xin mẹ chồng đem con về nhưng mẹ chồng không cho, đóng cửa nhà lại không cho bà vào. Khoảng 01 tiếng sau cha bà (ông Nguyễn Văn H) đến để gặp gia đình ông S để đem con về và hòa giải cho bà và ông S nhưng cha bà bị ông S đánh, không cho bà đem con về. Sự việc này bà có báo ban ấp P và Công an P. Bà và ông S ly thân từ ngày 05/8/2020 đến nay. Nay bà xin ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07/7/2016. Khi cháu L được 05 tháng thì bà gửi cháu L cho bà ngoại chăm sóc để bà và ông S đi làm thuê. Tháng 9/2019 bà và ông S về thì cháu Lsống cùng bà và ông S tại nhà chồng cho đến ngày 07/8/2020 thì phía ông S bắt cháu L nuôi cho đến nay. Ông S không cho bà đem con về và thăm con. Nay, bà yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe hiệu yamaha Exciter 150cc, biển số 67G-41654 mua ở Bình Dương năm 2017, do ông S đứng tên, giá khi mua 50.000.000 đồng; 01 chiếc xe hiệu wave alpha mua ở tiệm cầm đồ tại xã Q năm 2019 (không nhớ biển số, chưa sang tên), giá khi mua 5.500.000 đồng; 01 tivi mua trả góp ở điện máy xanh Đ, Q (không nhớ hiệu) vào năm 2019, giá khi mua 6.500.000 đồng; 01 tủ lạnh mua trả góp ở điện máy xanh chợ H (B, Bình Dương), năm 2018, giá khi mua 7.000.000 đồng. (không nhớ hiệu)

Tất cả những tài sản trên hiện do ông S đang quản lý. Bà yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung: Không có.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông S theo quy định nhưng ông S vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2020, ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà T tự tìm hiểu, được gia đình tổ chức đám cưới. Sau khi đám cưới thì bà T sống ở bên chồng một thời gian thì ông và bà T lên Bình Dương làm công nhân.

Khoảng tháng 9/2019, ông và bà T về lại nhà chồng chuyển từ xã Q về xã P. Ông và bà T ly thân từ tháng 8/2020 đến nay do ông và bà T cãi nhau, bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Trong thời gian ly thân ông và bà T không liên lạc, hàn gắn. Nay, ông còn thương vợ không muốn ly hôn mà xin đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07/7/2016, Từ nhỏ đến nay ông và gia đình ông nuôi cháu L. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà T có tài sản chung như lời trình bày của bà Tú. Ngoài ra khi bà T về nhà cha mẹ ruột có đem số tài sản gồm dây chuyền, nhẫn, kiềng, bông, tổng cộng 06 chỉ vàng 18kara, tiền bảo hiểm khi còn làm ở Bình Dương số tiền 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia tất cả số tài sản trên.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2020 ông Nguyễn Văn H (cha ruột bà T) trình bày: Hôn nhân giữa T và S là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, T và S lên Bình Dương làm thuê. Trong quá trình làm thuê giữa hai bên có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là S đi làm thuê có gửi tiền về cho ông tham hai đầu hụi dùm. Trong quá trình tham gia chơi hụi, chủ hụi giựt hụi và bỏ trốn, ông mới cho S hay về việc chủ hụi bỏ trốn, S nói rằng ông hốt hụi của S để tiêu xài cá nhân không trả cho S, S không tin ông. Từ đó S thường xuyên cãi nhau với T và S nhiều lần đánh đập T ở Bình Dương. Vào năm 2020, ông và T có đến gia đình S để gặp mặt cha mẹ S để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng giữa S và T. Khi vừa đến nơi S chạy ra đánh vào vay và hông của ông là ông té ngã xuống, em của T nghe ông bị đánh, liền chạy xe đạp xuống rồi bị S đánh bầm mặt, S hiện nay vẫn còn ở địa Phương. Theo ông thì tình cảm giữa T và S không thể hàn gắn lại được.

Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2020, bà Phan Thị H cho biết: Bà là mẹ ruột của ông S, bà T là vợ ông S. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa T và S không có gì nghiêm trọng. T và S cãi nhau rồi T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. T và S có 01 con chung Nguyễn Hoài L. Khi sinh con được 06 tháng thì T và S gửi con cho ông bà Ngoại chăm sóc. Chăm sóc được 02 tháng thì ông bà Ngoại liên hệ với bà để bà chăm sóc do ông bà ngoại không đủ điều kiện. Bà chăm sóc cháu L từ khi 08 tháng tuổi đến nay. Tử khi T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì T chỉ đến thăm con một lần khi cháu L bị va quẹt xe. Ngày xảy ra sự việc thì bà không nhớ. Khoảng 13 – 14 giờ bà T đến nhà gặp bà muốn bắt cháu L về nuôi. Do ông S không có ở nhà nên bà không đồng ý. Sau đó T và cha của T đứng bên đường dùng những lời lẽ thô tục chửi gia đình bà. Khi đó ông S đi làm mới về thì hai bên xảy ra xô xát. Ông S có đánh ông H (cha của T). Sự việc này Công an xã P xác minh và giải quyết xong. Ông S hiện đi làm thuê, thu nhập một ngày khoảng 300.000 đồng.

Tòa án tiến hành xác minh và phô tô hồ sơ về việc đánh nhau giữa ông S và ông H tại Công an xã P.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: Bà rút lại yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu xin ly hôn với ông S và yêu cầu nuôi con chung. Từ 06 tháng đến 02 tuổi do bên ngoại nuôi. Từ 02 tuổi đến nay sống với bà và ông S ở bên nội. Vào năm 2019 bà và ông T về sống chung bên chồng tại P.

Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông S có được 01 con chung tên Nguyễn Hoài L – sinh ngày 07/7/2016. Bà T và ông S cùng có yêu cầu được quyền nuôi dạy con chung.

Xét thấy, cháu L từ trước đến nay đều là do gia đình ông S chăm sóc và nuôi dạy, tình cảm giữa cháu L đối với gia đình ông S đã thật sự gắn bó. Hơn nữa, từ khi ly thân cho đến nay thì bà T cũng chỉ về thăm nom con chung được 01 lần duy nhất, không thể hiện được sự quan tâm của một người mẹ đối với con nhỏ. Do đó, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cũng như đảm bảo cuộc sống ổn định và nhằm tránh sự xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu L, nên việc ông Sang yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, ông Sang không yêu cầu nên đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung: Bà T và ông S cùng xác định trong quá trình chung sống thì cả hai đã tạo lập được một số tài sản chung, bao gồm những món như sau: Xe Exciter, xe Wave, Tivi, tủ lạnh. Bà T và ông Sang cùng yêu cầu chia số tài sản chung này nhưng ông S cho rằng giá trị của những món tài sản này không đúng theo như bà T đã khai. Bên cạnh đó, ông S còn khai ngoài số tài sản chung nêu trên thì ông và bà T còn có một số tài sản chung khác như: 06 chỉ vàng 18 kara và

30.000.000 đồng mà bà T đã mang theo trước khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông yêu cầu chia những món tài sản chung nêu trên nhưng ông S chưa thực hiện việc đóng tạm ứng án phí theo quy định, nên không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu của ông S.

Riêng đối với yêu cầu của bà T về việc chia tài sản chung, nhận thấy: Tại phiên tòa, bà T rút lại đối với yều cầu khởi kiện này, cụ thể là rút lại toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung. Xét việc đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

Về nợ chung: Bà T và ông S cùng khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung. Các bên đương sự không phải chịu án phí nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, ông S có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt: Ông S được triệu tập đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T, ông S có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà T, ông S từ tháng 8/2020 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà T cho rằng ông S thường xuyên đánh bà, có đánh cha bà (ông H) một lần. Ông S thừa nhận không đồng ý ly hôn do còn thương bà T, muốn được đoàn tụ. Lời trình bày của bà T phù hợp với lời trình bày của ông H (cha ruột bà T), phù hợp lời trình bày của bà H (mẹ ruột ông S). Ông H cho rằng ông S thường đánh bà T. Bà H cho rằng ông S có đánh ông H một lần. Xét thấy mâu thuẫn của bà T, ông S phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23/12/2000

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn và áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà T, ông S không thể hàn gắn, thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T, ông S có 01 con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07/7/2016. Hiện nay cháu L đang sống với gia đình ông S. Bà T và ông S cùng yêu cầu được nuôi cháu L. Căn cứ vào lời trình bày của bà T, ông S, ông H, bà H thì xác định cháu Lâm từ 2 tuổi đến nay sống chung với ông S cùng bà nội (mẹ ông S). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên để cho ông S tiếp tục nuôi dạy cháu L là phù hợp. Không chấp nhận cầu nuôi con chung của bà T.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông S.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông S cùng xác định tài sản chung gồm: Xe Exciter, xe Wave, Tivi, tủ lạnh. Bà T, ông S cùng yêu cầu chia số tài sản chung này nhưng ông Sang cho rằng giá trị của những món tài sản này không đúng theo như bà T đã khai. Ngoài ra, ông S còn khai ngoài số tài sản chung nêu trên thì còn một số tài sản chung khác như: 06 chỉ vàng 18 kara và 30.000.000 đồng mà bà T đã mang theo trước khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông S yêu cầu tài sản chung nêu trên nhưng ông S không làm đơn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà T về việc chia tài sản chung: Tại phiên tòa, bà T rút lại toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung. Xét việc đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên căn cứ theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu là tài sản chung mà đương sự đã rút.

Về nợ chung: Bà T, ông S khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000;

Căn cứ điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với tài sản chung: Xe Exciter, xe Wave, Tivi, tủ lạnh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

*Về hôn nhân***:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Q không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Ông Nguyễn Văn S được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hoài L sinh ngày 07/7/2016. Công nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 1.160.000 (một triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004778 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà T được nhận lại 860.000 (tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Ông S không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/12/2020). Ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã Q (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc